

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng ngay từ lúc mở cửa và duy trì đà tăng trong suốt phiên giao dịch hôm nay. Chỉ số kết phiên tại mốc 1,751.03 điểm, tăng gần 47 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Du lịch và Giải trí. Nhóm cổ phiếu Vingroup tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt thị trường trong phiên hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn còn lại. Đà tăng phụ thuộc vào một nhóm cổ phiếu làm tăng rủi ro tập trung, nhà đầu tư vẫn nên giao dịch cẩn trọng, nhất là khi đã chạm vào ngưỡng kháng cự cũ 1,750 (tương đương Fibonacci 0.786).

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/12/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+46.72** điểm, đóng cửa tại **1751.03** điểm. HNX-Index **+3.26** điểm, đóng cửa tại **257.23** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+18.60)**, **VHM (+5.59)**, **TCB (+2.59)**, **VPL (+1.72)**, **STB (+1.50)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.36)**, **VCK (-0.22)**, **TCX (-0.15)**, **VPX (-0.10)**, **FPT (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,153** tỷ đồng, tăng **0.93%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 30,683 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 38.55 điểm. Thị trường có **216** mã tăng, 65 mã tham chiếu, **97** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **520.90** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (192.37 tỷ)**, **GEX (130.13 tỷ)**, **VIX (91.11 tỷ)**, **VPB (74.41 tỷ)**, **BSR (64.79 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-47.39** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.24%**. Các mã diễn biến tích cực:
STB (+6.94%)
DGC (+6.27%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+6.22%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.79%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
GEX (+5.08%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTD (+4.67%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.24%	1.79%	2.74%	2.69%
1 tuần	2.53%	3.39%	6.38%	6.17%
1 tháng	-2.74%	-3.37%	5.81%	4.49%
3 tháng	-3.89%	-6.85%	7.08%	8.99%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,751.03	257.23	119.84
% 1D	2.74%	1.28%	0.36%
GTKL (tỷ VND)	21,153	1,214	558
%1D	0.93%	18.31%	24.02%
GDNN (tỷ VND)	520.90	-47.39	-0.68

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	192.37	FPT	-303.63
GEX	130.13	ACB	-73.12
VIX	91.11	VNM	-49.64
VPB	74.41	CII	-43.38
BSR	64.79	HPG	-36.75

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

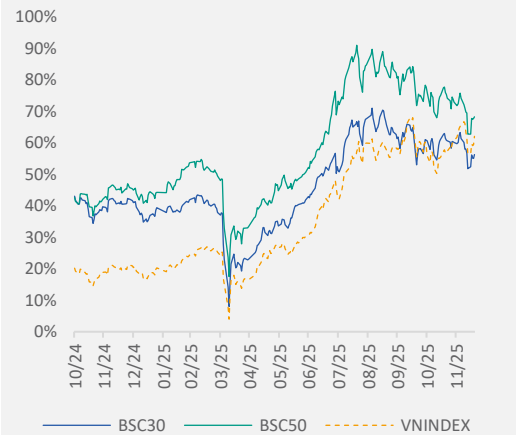
		%D	%W
SPX	6,835	0.88%	0.10%
FTSE100	9,852	-0.46%	1.03%
Eurostoxx	5,759	-0.05%	0.07%
Shanghai	3,917	0.69%	1.28%
Nikkei	50,402	1.81%	0.50%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.02	0.91%
Giá vàng	4,407	1.05%
Tỷ giá		
USD/VND	26,406	0.00%
EUR/VND	31,620	-0.11%
JPY/VND	171	-1.16%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.01%
LS LNH 1M	7.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

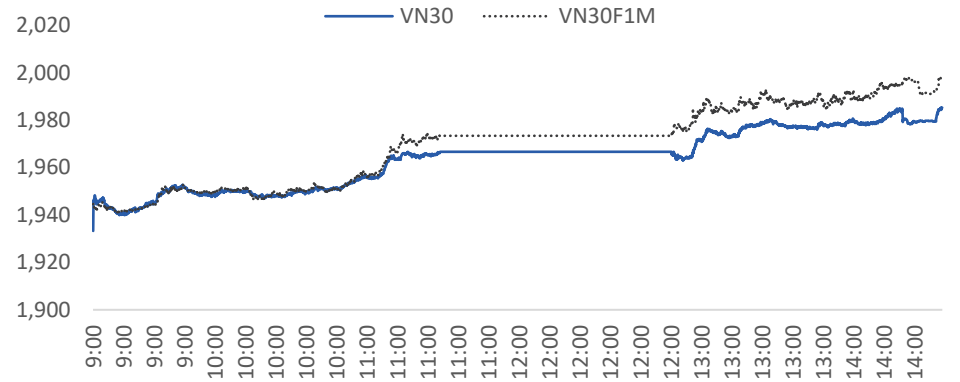
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

Trang | 1

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1997.00	3.10%	238,683	9.6%	15/01/2026	24
41I1G6000	1985.00	3.15%	71	-33.0%	18/06/2026	178
41I1G1000	1997.00	3.10%	238,683	9.6%	15/01/2026	24
41I1G3000	1990.00	3.03%	200	72.41%	19/03/2026	87

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +52.00 điểm, đóng cửa tại 1985.28 điểm. Biên độ dao động 45.37 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, STB, TCB, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường cải thiện so với phiên giao dịch trước và nằm trên đường MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2529	25/03/2026	93	890,700	27.29%	65.50	600	106.9%	0.40	66.70	52.40	52.40
CSTB2526	24/02/2026	64	45,000	11.26%	55.00	550	96.4%	0.41	58.30	52.40	52.40
CSTB2520	23/03/2026	91	732,000	3.51%	48.00	2,080	87.4%	2.27	54.24	52.40	52.40
CSTB2530	25/06/2026	185	400	33.89%	67.80	1,180	76.1%	0.88	70.16	52.40	52.40
CSTB2535	11/05/2026	140	45,500	39.47%	71.70	460	70.4%	0.25	73.08	52.40	52.40
CSTB2528	23/02/2026	63	2,744,400	2.27%	49.00	1,530	62.8%	1.82	53.59	52.40	52.40
CSTB2512	23/02/2026	63	78,900	3.66%	46.00	2,080	62.5%	1.90	54.32	52.40	52.40
CSSB2507	3/04/2026	102	100	28.22%	21.00	440	57.1%	0.05	22.76	17.75	17.75
CSTB2521	23/06/2026	183	355,600	10.92%	50.00	2,030	55.0%	1.87	58.12	52.40	52.40
CSTB2531	9/03/2026	77	1,154,500	18.24%	60.10	620	51.2%	0.46	61.96	52.40	52.40
CSTB2534	9/02/2026	49	23,200	37.79%	71.70	250	47.1%	0.02	72.20	52.40	52.40
CSTB2519	23/06/2026	183	428,600	9.98%	51.00	2,210	43.5%	2.31	57.63	52.40	52.40
CSTB2527	25/06/2026	185	600	36.56%	66.56	1,000	42.9%	0.39	71.56	52.40	52.40
CSTB2532	8/09/2026	260	25,400	40.38%	68.70	1,620	40.9%	0.86	73.56	52.40	52.40
CSTB2524	23/06/2026	183	102,100	15.55%	53.90	1,330	37.1%	1.12	60.55	52.40	52.40
CSTB2513	12/01/2026	21	582,300	-0.08%	39.00	3,340	34.1%	3.38	52.36	52.40	52.40
CSTB2515	20/05/2026	149	735,600	2.84%	40.00	4,630	32.3%	4.61	53.89	52.40	52.40
CSTB2525	23/07/2026	213	100,600	22.21%	57.20	1,710	31.5%	1.21	64.04	52.40	52.40
CSTB2514	13/04/2026	112	1,275,700	2.79%	39.50	3,590	31.0%	3.46	53.86	52.40	52.40
CSSB2508	4/05/2026	133	26,900	30.17%	21.67	360	28.6%	0.05	23.11	17.75	17.75

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 22/12/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2529 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 106.90%. CHPG2524 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.09%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CFPT2503, CVRE2525, CVHM2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	158.80	6.94%	10.71
VHM	107.40	5.81%	5.54
STB	52.40	6.94%	4.58
TCB	35.20	4.76%	4.58
MWG	85.00	2.53%	3.82

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VNM	63.20	-1.25%	-1.06
FPT	93.70	-0.21%	-0.45
SAB	49.60	-0.20%	-0.02

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	158.80	6.94%	18.60	7.73
VHM	107.40	5.81%	5.59	4.11
TCB	35.20	4.76%	2.59	7.09
VPL	98.00	4.48%	1.72	1.79
STB	52.40	6.94%	1.50	1.89

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	74.40	2.48%	0.97	0.90
SHS	21.90	2.82%	0.32	0.90
CEO	23.40	3.54%	0.27	0.57
PVS	33.10	2.48%	0.23	0.48
NVB	13.70	1.48%	0.23	1.92

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PDN	105.90	6.97%	0.09	0.02
GEE	196.80	6.96%	1.09	0.83
DCL	43.15	6.94%	0.05	1.21
STB	52.40	6.94%	1.50	15.15
VIC	158.80	6.94%	18.51	9.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PJC	27.70	9.92%	0.08	0.00
VTV	15.80	9.72%	0.19	0.55
PVB	30.60	9.68%	0.25	0.78
GMA	52.50	9.38%	0.38	0.00
PDB	29.60	7.25%	0.07	0.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNM	63.20	-1.25%	-0.36	2.09
VCK	51.90	-1.33%	-0.22	1.48
TCX	47.40	-0.63%	-0.15	2.31
VPX	28.95	-0.86%	-0.10	1.88
FPT	93.70	-0.21%	-0.07	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	16.60	-2.35%	-0.24	1.07
PVI	91.90	-0.65%	-0.08	0.23
IPA	18.60	-2.11%	-0.05	0.21
CDN	32.60	-1.51%	-0.03	0.10
SJ1	14.00	-5.41%	-0.02	0.04

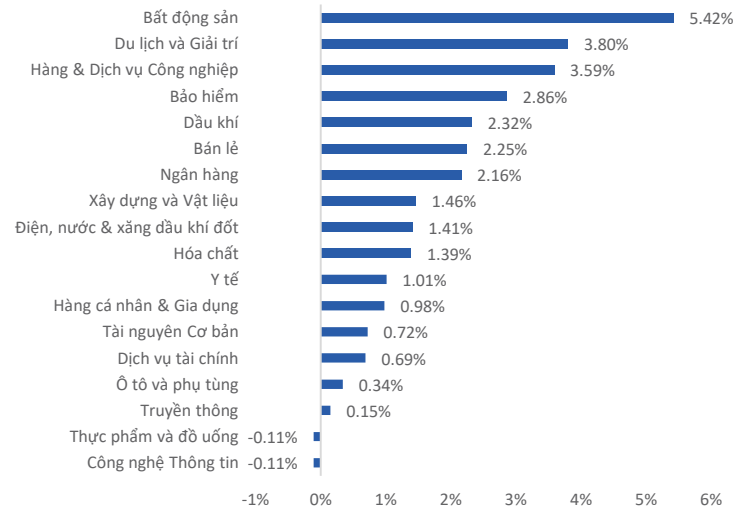
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGI	20.50	-6.82%	-0.03	3.15
STG	33.20	-6.61%	-0.05	0.00
CRE	8.31	-6.52%	-0.05	1.74
ILB	23.95	-5.52%	-0.01	0.18
QCG	15.15	-4.42%	-0.04	4.67

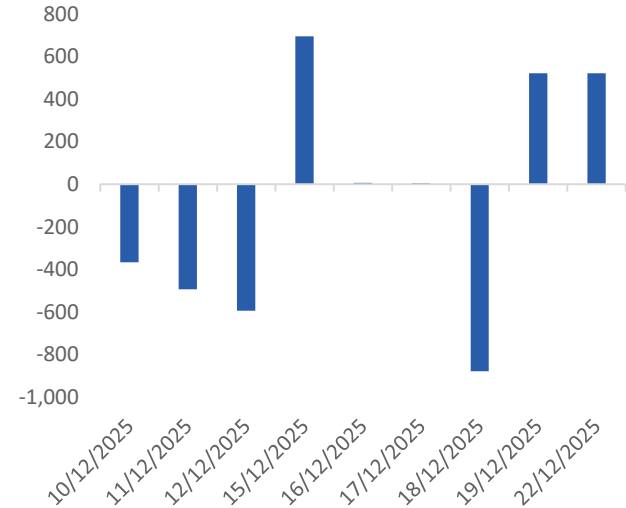
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HCT	9.90	-9.17%	-0.01	0.00
FID	2.00	-9.09%	-0.02	0.27
CTP	9.30	-8.82%	-0.04	0.18
ALT	11.80	-7.09%	-0.02	0.00
SJ1	14.00	-5.41%	-0.13	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	85.0	2.5%	1.2	121,735	732.5	3,956	21.0	106,000	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	34.6	0.9%	1.2	32,302	151.0	1,872	18.3	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	33.2	1.5%	1.2	36,640	207.5	857	38.1	39,900	27.9%	Link
PDR	Bất động sản	20.5	6.2%	1.4	18,910	347.9	211	91.5	28,200	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	107.4	5.8%	1.5	416,902	502.5	6,133	16.6	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.7	-0.2%	0.8	159,959	652.0	5,280	17.8	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	16.5	3.1%	0.0	79,866	218.8	413		23,200	0.9%	Link
PVS	Dầu khí	33.1	2.5%	1.4	16,519	183.3	2,841	11.4	42,800	13.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.3	0.9%	1.1	24,947	191.5	1,361	17.0		34.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	31.5	2.1%	1.1	76,726	922.0	1,869	16.5		32.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.2	1.3%	1.0	29,541	293.9	1,586	21.9		14.7%	
DCM	Hóa chất	32.4	1.4%	1.2	16,888	32.4	3,578	8.9	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	74.6	6.3%	0.8	26,660	438.3	8,296	8.5	109,300	10.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	1.7%	0.8	122,766	242.5	3,385	7.1	28,400	28.7%	Link
BID	Ngân hàng	38.4	1.9%	0.9	264,705	104.2	3,781	10.0	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.2	2.0%	1.0	267,572	411.3	4,292	8.0	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	27.0	4.1%	1.3	129,887	1117.4	2,827	9.2	34,400	23.7%	Link
MBB	Ngân hàng	25.3	2.2%	1.0	198,958	670.6	3,017	8.2	29,300	21.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.9	1.6%	1.1	39,624	84.8	1,729	7.4	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	52.4	6.9%	0.9	92,376	766.1	6,519	7.5		14.2%	
TCB	Ngân hàng	35.2	4.8%	1.1	238,098	641.7	3,111	10.8	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.3	2.7%	1.1	46,743	216.2	2,358	7.2	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	57.8	0.5%	0.6	480,451	171.4	4,202	13.7	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	0.9%	0.8	59,911	334.1	2,225	7.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.0	1.9%	1.2	225,720	410.3	2,603	10.9	35,650	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	0.8%	0.9	204,935	1565.2	1,876	14.2	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	0.9%	1.0	9,874	44.7	1,178	13.5	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.2	1.1%	1.0	10,738	135.7	4,150	6.7	28,800	2.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.0	0.3%	1.1	109,600	263.1	2,196	34.5	98,300	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.2	-1.3%	0.5	133,757	6182.3	4,160	15.4	64,500	50.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.5	0.87%	1.2	8,880	47.7	2,410	16.7	22.8%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	147.0	2.08%	1.0	24,523	100.8	3,620	39.8	32.3%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.0	3.70%	1.2	40,085	45.9	3,578	15.1	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	18.5	2.79%	1.1	14,296	117.5	525	34.2	3.7%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.0	1.12%	1.3	19,800	158.6	400	44.6	18.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	24.6	2.07%	1.0	4,814	104.5	3,057	7.9	3.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	28.8	2.13%	1.4	10,433	58.9	938	30.1	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.2	0.00%	1.3	14,117	47.7	4,849	7.7	11.5%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	32.7	3.00%	1.2	15,381	69.1	2,127	14.9	44.8%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.3	0.19%	1.2	12,638	11.7	5,474	9.5	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.9	1.18%	1.0	5,319	10.3	1,763	16.8	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	19.2	1.86%	1.5	17,148	94.2	801	23.5	12.3%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	158.8	6.94%	1.3	1,144,346	1376.1	1,147	129.4	3.2%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	33.0	4.10%	1.5	72,032	319.5	2,144	14.8	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.4	0.57%	1.0	7,453	6.5	1,833	19.2	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	35.3	1.29%	0.8	44,280	51.4	2,090	16.7	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.9	1.09%	1.2	15,342	253.9	1,602	17.2	9.8%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.3	0.29%	1.2	11,833	41.5	1,262	27.1	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.8	1.52%	1.8	17,390	94.4	1,666	15.8	3.9%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.3	2.03%	0.8	154,429	82.5	5,014	12.8	1.9%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	4.10%	0.9	37,428	279.0	681	17.9	4.2%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.9	0.00%	0.6	33,529	18.8	4,776	13.0	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	206.0	3.05%	0.6	118,263	379.2	2,897	69.0	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.5	5.08%	1.0	38,171	565.6	2,313	18.3	7.7%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.5	0.00%	0.9	25,376	118.2	3,498	17.0	42.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.8	4.00%	0.6	9,710	199.6	6,185	9.3	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	1.37%	0.9	8,576	24.9	2,090	8.7	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.6	1.01%	0.0	12,008	26.6	3,139	31.4	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	93.9	1.51%	0.8	31,556	54.6	6,914	13.4	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.0	0.93%	0.9	2,997	23.5	2,535	10.6	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.2	0.55%	1.4	2,330	10.9	2,863	6.3	16.3%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.6	0.22%	1.1	15,298	40.9	1,212	18.6	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.6	0.57%	1.6	105,800	30.0	1,569	16.9	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.5	4.65%	1.0	40,048	313.3	1,635	13.2	2.8%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	44.0	1.15%	0.8	129,947	116.2	3,469	12.5	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	-0.69%	0.0	24,877	69.1	2,337	6.2	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.4	2.92%	0.9	31,957	54.3	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.3	2.00%	0.9	6,714	51.8	571	26.3	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.8	2.58%	1.2	7,216	30.8	2,829	9.6	4.5%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.3	0.57%	0.6	10,671	95.4	1,715	20.5	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.6	-0.20%	0.7	63,743	49.8	3,373	14.7	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.0	0.92%	1.0	12,233	15.8	6,944	7.9	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	176.2	1.26%	0.1	14,244	24.8	14,639	11.9	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.0	4.67%	1.1	8,043	45.4	6,560	12.1	48.8%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.6	1.08%	1.1	9,574	11.8	5,128	16.3	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.2	1.60%	1.0	4,087	16.7	3,037	13.4	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.0	1.08%	1.2	6,889	83.9	1,106	12.5	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	1.62%	1.0	8,863	26.6	1,377	15.7	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.0	0.42%	0.9	15,418	145.2	6,148	3.9	4.3%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.6	2.59%	1.1	18,158	20.1	3,090	13.1	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>